

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan***Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Luật Hàng không dân dụng ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Bru chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn việc xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc đối tượng giám sát hải quan được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

2. Hàng hóa tồn đọng thuộc đối tượng giám sát hải quan được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan (sau đây gọi là hàng hóa tồn đọng) bao gồm:

a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Không thừa nhận việc chủ hàng hóa từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ đối với hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

b) Hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận;

c) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa;

d) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, bản khai hàng hóa nhưng không có người đến nhận.

3. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Hàng hóa tồn đọng ngoài địa bàn hoạt động hải quan hoặc hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan nhưng không thuộc đối tượng giám sát hải quan;

b) Hàng hóa tồn đọng là tang vật vi phạm pháp luật được xác định là buôn lậu thuộc đối tượng xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước theo thủ tục hành chính hoặc xử lý hình sự;

c) Hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam xử lý theo Nghị định số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ về xử lý hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam.

4. Việc xử lý đối với hàng hóa tồn đọng là hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan theo quy định phải thực hiện việc ký quỹ, đặt cọc thì ngoài việc thực hiện theo quy định tại Thông tư này, còn phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng số tiền đặt cọc của thương nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Hải quan các cấp.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi.

3. Chủ kho ngoại quan.

4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính (bao gồm cả doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế).

5. Hãng tàu; đại lý hãng tàu; doanh nghiệp giao nhận; đại diện theo ủy quyền của hãng tàu, doanh nghiệp giao nhận (sau đây gọi chung là người vận chuyển).

6. Chủ hàng hóa là người gửi hàng hoặc người nhận hàng đứng tên trên vận đơn.

7. Các đối tượng khác có liên quan đến xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng phải tuân theo thời gian, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng phải kịp thời, công khai, minh bạch, đúng chế độ quy định.

Chương II **XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG**

Mục 1 **THEO DÕI, BẢO QUẢN, THÔNG BÁO HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG**

Điều 4. Theo dõi, bảo quản hàng hóa tồn đọng

1. Người vận chuyển có trách nhiệm cung cấp thông tin về danh sách vận đơn quá 90 ngày, kể từ ngày hàng đến cửa khẩu nhập chưa có người nhận cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để làm cơ sở theo dõi, tổng hợp tình hình hàng hóa tồn đọng.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, chủ kho ngoại quan, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng) có trách nhiệm:

- a) Theo dõi, thống kê, phân loại hàng hóa tồn đọng;
- b) Bố trí địa điểm cảng, kho, bãi đáp ứng điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ, bảo quản hàng hóa tồn đọng trong thời gian chờ xử lý theo yêu cầu của cơ quan Hải quan.

Điều 5. Xác định hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ

1. Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ là hàng hóa mà chủ hàng hóa có văn bản từ bỏ hàng hóa; hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại Việt Nam bỏ lại cảng biển và người vận chuyển có văn bản từ bỏ quyền lưu giữ.

2. Hàng hóa mà chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan (cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, cảng nội địa ICD, địa điểm thu gom hàng lẻ CFS, kho ngoại quan, cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và các địa bàn hoạt động hải quan khác) mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

Việc xác định chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ tại một số địa bàn hoạt động hải quan đặc thù được thực hiện như sau:

- a) Đối với hàng hóa trong kho ngoại quan:
 - Chậm nhất là 15 ngày, trước ngày hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan hết hạn, chủ kho ngoại quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa biết về hợp đồng thuê kho hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho sắp hết hạn để chủ hàng làm thủ tục đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan;

- Quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hàng hóa hết hạn hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan mà chủ hàng hóa không đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan thì hàng hóa đó được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

b) Đối với hàng hóa tại doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hàng hóa nhập khẩu gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu nhưng không phát được cho người nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa đến nhận. Trường hợp quá 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo lần 2 bằng văn bản cho chủ hàng hóa. Thông báo được gửi bằng thư bảo đảm qua dịch vụ chuyển phát có ký nhận hồi báo. Thời hạn để chủ hàng hóa đến nhận là 90 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu;

- Hết thời hạn đến nhận hàng hóa mà chủ hàng hóa không đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

c) Đối với hàng hóa, hành lý tại cảng hàng không:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến (đối với hành lý), người vận chuyển có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người gửi hàng đến nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc niêm yết tại sân bay (đối với hành lý). Thời hạn thông báo là 60 ngày (đối với hàng hóa), 30 ngày (đối với hành lý) kể từ ngày bắt đầu thông báo, niêm yết;

- Hết thời hạn thông báo mà không có người đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa, hành lý được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Điều 6. Thông báo tình hình hàng hóa tồn đọng cho cơ quan Hải quan

1. Định kỳ hàng quý, chậm nhất là ngày 15 của tháng đầu tiên quý sau, doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thông báo tình hình hàng hóa tồn đọng cho Chi cục Hải quan quản lý theo Mẫu số 06-TBTĐ ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp chưa đến thời hạn báo cáo định kỳ nhưng phát hiện hàng hóa đủ điều kiện xác định là hàng hóa tồn đọng là hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng hóa có hạn sử dụng còn dưới 60 ngày, doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện.

2. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến lô hàng hóa tồn đọng khi có đề nghị cần làm rõ của cơ quan Hải quan.

Điều 7. Kiểm tra, xác minh hàng hóa tồn đọng

1. Đối với những lô hàng hóa tồn đọng có dấu hiệu vi phạm pháp luật, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, Chi cục Hải quan thực hiện kiểm tra, xác minh, xác định thực tế hàng hóa.

2. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh phát hiện hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật, không phải thông báo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh phát hiện hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì Chi cục Hải quan niêm phong hàng hóa và giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng bảo quản trong thời gian thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm xuất trình hàng hóa tồn đọng cho cơ quan Hải quan để thực hiện kiểm tra, xác minh theo quy định. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển không được yêu cầu cơ quan Hải quan ứng nộp các chi phí lưu kho, bãi, lưu container khi tiến hành kiểm tra; việc thanh toán các chi phí lưu kho, bãi, lưu container được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Thông tư này.

Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng

1. Đối với hàng hóa tồn đọng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 1 Thông tư này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng về hàng hóa tồn đọng, Chi cục Hải quan phải thông báo về hàng hóa tồn đọng. Trường hợp thông tin về hàng hóa tồn đọng do doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng cung cấp không đầy đủ hoặc cần phải xác minh thêm thì thời gian thực hiện việc thông báo được kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng.

2. Việc thông báo về hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau:

- a) Đăng tải trên Báo Hải quan 03 số liên tiếp;
- b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hải quan, Trang thông tin về tài sản nhà nước;
- c) Niêm yết công khai tại trụ sở Cục Hải quan và Chi cục Hải quan.

3. Thời hạn để người đến nhận hàng là 60 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu. Đối với hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng hóa có hạn sử dụng còn dưới 60 ngày, thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu.